

Thứ năm ngày 13 tháng 10 năm

Ngày soạn: 10/10/.....

Ngày giảng: 13/10/.....

Chiều

Tiết 1- Luyện Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

- HS biết tính diện tích các hình đã học.
- Giải các bài toán có liên quan đến diện tích.

II. Lên lớp:

1. Kiểm tra bài cũ:

2. Bài mới:

*Giới thiệu bài: Luyện tập.

- Hướng dẫn cho học sinh làm bài tập trong vở bài tập.

Bài 1: Học sinh nêu yêu cầu của bài tập. Học sinh tóm tắt đề bài rồi giải bài toán.

- 1 hs lên bảng làm, lớp làm VBT.
- HS cùng GV nhận xét chữa bài

Tóm tắt:

Bài giải

$$\text{Đổi: } 8\text{m} = 800 \text{ cm}$$

Cạnh phòng hình vuông: 8m

Diện tích căn phòng là:

Chiều dài mảnh gỗ hcn: 80 cm

$$800 \times 800 = 640000(\text{cm}^2)$$

Chiều dài mảnh gỗ hcn: 20 cm

Diện tích mỗi mảnh gỗ là:

Hỏi cần bao nhiêu mảnh gỗ?

$$80 \times 20 = 1600 (\text{cm}^2)$$

Để lát hết nền nhà cần số mảnh gỗ là:

$$640000 : 1600 = 400 (\text{mảnh})$$

Đáp số: 400 mảnh gỗ.

Bài 2: HS nêu đề bài, gv hướng dẫn HS giải bài toán.

- 1 hs lên bảng làm, lớp làm VBT.
- HS cùng GV nhận xét chữa bài

Bài giải

$$\text{Chiều dài khu đất là: } 130 + 70 = 200 (\text{m})$$

$$\text{Diện tích khu đất là: } 130 \times 200 = 26\,000 (\text{m}^2)$$

$$\text{Mỗi m}^2 \text{ thu hoạch được: } 300 : 100 = 3 (\text{kg mía})$$

$$\text{Cả khu đất thu hoạch được: } 26000 : 3 = 78\,000 \text{ kg} = 78 (\text{tấn mía})$$

Đáp số: 78 tấn mía.

Bài 3: HS nêu đề bài, gv hướng dẫn HS giải bài toán.

- 1 hs lên bảng làm, lớp làm VBT.
- HS cùng GV nhận xét chữa bài

Bài giải

Theo tỉ lệ trên thì thực tế chiều dài và chiều rộng lần lượt là: $6 \times 3000 = 18\ 000$ (cm) và $3 \times 3000 = 9000$ (cm)

Diện tích sân vận động là: $18\ 000 \times 9000 = 162\ 000\ 000\ \text{cm}^2 = 16200\ (\text{m}^2)$

Đáp số: 16200 m²

3. *Củng cố, dặn dò:*

- Giáo viên nhấn mạnh nội dung của bài.
 - Về nhà học bài và xem bài mới.
-

Tiết 2 -LTVC: LUYỆN TẬP ĐỌC

I. Mục tiêu:

- Luyện đọc và trả lời câu hỏi, nắm nội dung một số bài tập đọc.
- Đặt được câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa tìm được.

II. Chuẩn bị:

- Phiếu thăm ghi tên các bài tập đọc đã học và câu hỏi về nội dung.

III. Lên lớp:

1. Kiểm tra bài cũ:

- Học sinh đọc thuộc lòng các thành ngữ tục ngữ ở bài tập 1.

2. Bài mới:

- * Giới thiệu bài: Luyện đọc.

Hoạt động 1: Học sinh bốc thăm và đọc đoạn/bài và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc.

Hoạt động 2: Đặt hai câu để phân biệt các cặp từ trái nghĩa.

- GV ghi yêu cầu bài tập lên bảng. HS đọc yêu cầu bài tập.
- HS nhắc lại: Thế nào là từ trái nghĩa. Cho ví dụ.
- HS đặt câu vào vở nháp. Lần lượt các em đọc bài của mình. GV cùng hs nhận xét.

3. Củng cố dặn dò:

- Giáo viên nhận xét giờ học.
 - Về nhà học bài và xem bài mới.
-

Tiết 3-Thể dục: ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ

TRÒ CHƠI “NHẢY ĐÚNG NHẢY NHANH”

I. Mục tiêu:

- HS thực hiện được tập hợp hàng dọc, hàng ngang, dóng thẳng hàng ngang.
- Thực hiện đúng cách điểm số, dàn hàng, dồn hàng, đi đều vòng phải, vòng trái.
- Biết đổi chân khi đi đều sai nhịp.
- Trò chơi “Nhảy đúng nhảy nhanh”. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi được.

II. Địa điểm, phương tiện:

- Địa điểm: Sân trường, vệ sinh nơi tập, đảm bảo an toàn tập luyện.
- Phương tiện: Chuẩn bị 1 còi, kẻ sân cho trò chơi.

III. Nội dung và phương pháp lên lớp:

1. Phần mở đầu:

- GV nhận lớp, phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.
- Trò chơi “Tìm người chỉ huy”. Đứng tại chỗ vỗ tay hát.

2. Phần cơ bản:

a, Đội hình đội ngũ:

- Ôn tập hợp hàng dọc, hàng ngang, dóng thẳng hàng ngang, điểm số, dàn hàng, dồn hàng, đi đều vòng phải, vòng trái.
- Biết đổi chân khi đi đều sai nhịp.
- + Lần 1, 2 GV điều khiển HS thực hiện. HS luyện tập theo tổ.
- + Lớp trưởng điều khiển lớp thực hiện.
- Cả lớp tập do Gv điều khiển.
- GV quan sát, nhận xét, sửa sai cho học sinh.

b, Trò chơi vận động:

- Trò chơi “Nhảy đúng nhảy nhanh”:
- + GV nêu tên trò chơi, giải thích cách chơi.
- + Tổ chức cho HS chơi, GV quan sát nhận xét biểu dương HS tích cực trong khi chơi.

3. Phần kết thúc:

- HS thực hiện một số động tác thả lỏng.
- GV cho HS chạy thành vòng tròn vỗ tay hát. GV cùng HS hệ thống bài.
- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài học giao bài tập về nhà.

Thứ sáu ngày 14 tháng 10 năm

Ngày soạn: 11/10/.....

Ngày giảng: 14/10/.....

Sáng

ĐẤT VÀ RỪNG

Tiết 1 - Địa lí:

I. Mục tiêu:

- Biết các loại đất chính ở nước ta, nêu được một số đặc điểm của đất phù sa và đất phe- ra- lit. Phân biệt rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập mặn.
- Nhận biết nơi phân bố của đất phù sa và đất phe - ra - lit, rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập mặn trên bản đồ.
- Biết vai trò của đất, rừng đối với đời sống của con người.
- Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ và khai thác đất.

II. Chuẩn bị:

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam. Bản đồ phân bố rừng Việt Nam.

III. Lên lớp:

1. Kiểm tra bài cũ:

Nêu đặc điểm của vùng biển nước ta? Nêu vai trò của biển nước ta?

2. Bài mới:

*Giới thiệu bài mới: Đất và rừng

Phần 1: Đất ở nước ta.

Hoạt động 1: Làm việc theo cặp.

Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc SGK và hoàn thành bảng sau:

- Kể tên và chỉ vùng phân bố hai loại đất chính ở nước ta trên bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Kê bảng sau vào giấy rồi điền các nội dung phù hợp.

TÊN LOẠI ĐẤT	VÙNG PHÂN BỐ	MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM
Fe-ra lit		
Phù sa		

Bước 2: Đại diện một số học sinh trình bày kết quả làm việc trước lớp.

- Một số học sinh lên bảng chỉ trên bản đồ tự nhiên Việt Nam vùng phân bố hai loại đất chính ở nước ta.

Bước 3: Giáo viên trình bày: Đất là nguồn tài nguyên quý giá nhưng chỉ có hạn.

- Học sinh nêu một số biện pháp bảo vệ và cải tạo đất.

Phần 2: Rừng ở nước ta.

Hoạt động 2: Làm theo nhóm.

Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các hình 1, 2, 3, đọc SGK và hoàn thành bài tập:

- Chỉ vùng đất phân bố của rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn.

Bước 2: Đại diện nhóm học sinh lên trình bày kết quả làm việc trước lớp.

- Giáo viên chốt lại.

Hoạt động 3: Làm việc cả lớp.

- Giáo viên hỏi học sinh về vai trò của rừng đối với đời sống của con người?

+ Để bảo vệ rừng, nhà nước và người dân phải làm gì?

+ Địa phương em đã làm gì để bảo vệ rừng?

3. Củng cố, dặn dò:

- Giáo viên nhấn mạnh nội dung của bài.

- Về nhà học bài và xem bài mới.

Tiết 2-Tập làm văn: LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. Mục tiêu:

- HS nhận biết được cách quan sát khi tả cảnh trong hai đoạn văn trích (BT1).

- Biết lập dàn ý chi tiết cho bài văn tả cảnh sông nước.

II. Chuẩn bị:

- Tranh, ảnh minh họa cảnh sông nước cụ thể.

III. Lên lớp:

1. Kiểm tra bài cũ:

Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị bài cho tiết học này.

2. Bài mới:

**Giới thiệu bài:* Luyện tập tả cảnh.

Bài tập 1: Học sinh nêu yêu cầu của bài tập.

- Học sinh làm việc theo cặp.

- Gợi ý học sinh trả lời câu hỏi:

+ Đoạn văn tả đặc điểm gì của biển?

(Đoạn văn tả sự thay đổi màu sắc của mặt biển...)

+ Để tả đặc điểm đó, tác giả đã quan sát những gì và vào thời điểm nào?

(Tác giả đã quan sát bầu trời và mặt biển vào thời điểm khác nhau)

+ Khi quan sát biển, tác giả đã có liên tưởng thú vị gì?

- Giáo viên giải thích từ liên tưởng: chuyện này sang chuyện khác.

+ Con kênh được quan sát vào những thời điểm nào trong ngày?

(Suốt ngày từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, buổi sáng, giữa trưa, lúc trời chiều)

+ Tác giả nhận ra đặc điểm của con kênh chủ yếu bằng giác quan nào?

(Quan sát bằng thị giác, xúc giác)

+ Nêu tác dụng của những liên tưởng khi quan sát và miêu tả con kênh?

Bài tập 2: Học sinh nêu yêu cầu của bài tập.

Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài vào vở.

3. Củng cố, dặn dò:

- Giáo viên nhấn mạnh nội dung của bài. Về nhà học bài và xem bài mới.

- Giáo viên nhận xét tiết học.
-

Tiết 3-Toán:

LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

- Ôn sánh phân số, tính giá trị của biểu thức với phân số.
- Giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của 2 số đó.

II. Chuẩn bị:

- SGK, VBT

III. Lên lớp:

1. Kiểm tra bài cũ:

2. Bài mới:

**Giới thiệu bài:* Luyện tập chung.

Bài 1: Hs đọc yêu cầu bài toán. Nhắc hs nhớ lại:

- Nếu các phân số có cùng mẫu số thì ta so sánh tử số. Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.
- Nếu các phân số có cùng tử số thì ta so sánh mẫu số. Phân số nào có mẫu số lớn hơn thì bé hơn.
- Nếu các phân số có khác mẫu số và tử số thì ta quy đồng rồi so sánh.
- HS làm bài rồi chữa bài

Bài 2: Học sinh nêu yêu cầu của bài toán.

- HD học sinh quy đồng rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ.

Bài 3: Học sinh nêu yêu cầu của bài tập. HD học sinh nhớ lại bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số.

HS làm VBT, 1 em lên bảng. GV cùng hs nhận xét chữa bài.

Tóm tắt :

Bài giải

Tỉ số tuổi con và mẹ là : $1/3$ Hiệu số phần bằng nhau là: $3 - 1 = 2$ (Phần)

Hiệu số giữa tuổi mẹ và con là: 28. Tuổi con là : $(28 : 2) \times 1 = 14$ (tuổi)

Tính tuổi con và mẹ ? Tuổi mẹ là : $14 + 28 = 42$ (tuổi)

Đáp số: Con : 14 tuổi; mẹ : 42 tuổi.

Bài 4: Học sinh nêu yêu cầu của bài tập. HD học sinh tóm tắt rồi giải.

HS làm VBT, 1 em lên bảng. GV cùng hs nhận xét chữa bài.

Tóm tắt :

Bài giải

$$6\text{ha} = 60000 \text{ m}^2$$

$3/5$ đất trồng nhãn : 6 ha Diện tích đất trồng nhãn là: $3/5 \times 60000 = 36000$ (m^2)

Tính đất trồng nhãn : ? m^2 Đáp số : 36 000 m^2

3. Củng cố, dặn dò:

- Giáo viên nhấn mạnh nội dung của bài.
- Về nhà học bài và xem bài mới.
- Giáo viên nhận xét tiết học, nhắc nhở những học sinh chưa chú ý.
- Nhắc nhở những học sinh chưa nghiêm túc trong giờ học.

Tiết 4 - HĐTT:

SINH HOẠT ĐỘI

I. Mục tiêu:

- Đánh giá hoạt động của chi đội trong tuần qua, nắm phương hướng hoạt động tuần tới.

- Ôn một số bài hát tập thể.

II. Lên lớp:

1. Đánh giá:

- Lớp trưởng nhận xét, đánh giá tình hình hoạt động tuần qua.
- GV nhận xét:

*** Ưu điểm:**

- + Đi học chuyên cần, không có trường hợp nghỉ học.

- + Thực hiện tốt nội quy.
- + Có nhiều cố gắng trong học tập.

* *Nhược điểm:*

- + Quên đeo khăn quàng: Tăng, Ngữ.

2. Kế hoạch tuần tới:

- Tăng cường công tác vệ sinh trường lớp.
- HS thực hiện nghiêm túc nề nếp lớp học.
- Học và làm bài trước khi đến lớp.

3. Hoạt động ngoại khóa:

- Ôn một số bài hát tập thể.
-